



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NGUYỄN THÁI ANH



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**của dự án
“TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT,
QUY MÔ 300.000 CON/LÚA”**

Địa chỉ: Ấp Đồng Dầu, xã Minh Đức, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.



BÌNH PHƯỚC, THÁNG 06 NĂM 2022



**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ
NGUYỄN THÁI ANH**



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án

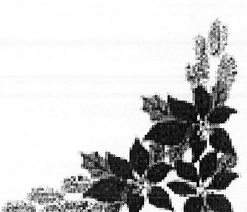
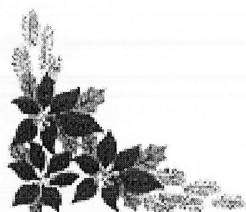
**“TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT, QUY
MÔ 300.000 CON/LÚA”**

Địa chỉ: Ấp Đồng Dầu, xã Minh Đức, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ
NGUYỄN THÁI ANH**



Nguyễn Thái Anh



MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG	4
CHƯƠNG I	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6
1. Chủ dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NGUYỄN THÁI ANH	6
2. Tên dự án đầu tư: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT, QUY MÔ 300.000 CON/LÚA.	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	6
3.1. Công suất của dự án đầu tư	6
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	6
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước	10
4.1. Nhu cầu nguyên liệu	10
4.2. Nhu cầu sử dụng nước	11
4.3. Nhu cầu sử dụng điện	12
4.4. Nhu cầu lao động:	12
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có) :	13
CHƯƠNG II	14
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	14
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	14
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:	14
CHƯƠNG III	15
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	15
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	15
1.2. Thu gom, thoát nước thải	15
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	18

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	18
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại.....	20
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	20
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	20
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có	22
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi: Không có.....	22
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có.	22
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	22
CHƯƠNG IV	23
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	23
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	23
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):	24
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):.....	24
4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:	24
5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:	24
CHƯƠNG V	25
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	25
1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện.....	25
1.1. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải	25
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	32
CHƯƠNG VI	33
CAM KẾT CỦA CHỦ ÁN ĐẦU TƯ	33

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
BQLRPH	:	Ban quản lý rừng phòng hộ
BTCT	:	Bê tông cốt thép
BOD ₅ ²⁰	:	Nhu cầu oxy sinh học ở nhiệt độ 20°C trong 5 ngày
COD	:	Nhu cầu oxy hoá học
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
DO	:	Ôxy hòa tan
NGTK	:	Niên giám thống kê
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCKTQG	:	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia
QLMT	:	Quản lý môi trường
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
UBMTTQVN	:	Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam
UBND	:	Ủy Ban Nhân Dân
VOC	:	Chất hữu cơ bay hơi
SS	:	Chất rắn lơ lửng
WHO	:	Tổ chức y tế thế giới
BNNPTNT	:	Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Danh Mục Nhu Cầu Hóa Chất, Vắc Xin, Thuốc Thú Y	11
Bảng 1.2: Nhu Cầu Sử Dụng Nước Cho Quá Trình Chăn Nuôi Giai Đoạn Ổn Định. 12	
Bảng 1.3. Nhu Cầu Lao Động Của Công Ty.....	12
Bảng 3.1: Thông Kê Công Trình Hệ Thống Xử Lý Nước Thải Đã Xây Dựng	18
Bảng 4. 1. Giá Trị Giới Hạn Của Các Chất Ô Nhiễm Theo Dòng Nước Thải Của Dự Án	23
Bảng 5.1 : Phương Pháp Lấy Mẫu	25
Bảng 5.2 : Phương Pháp Phân Tích Trong Phòng Thí Nghiệm	25
Bảng 5.3 : Vị Trí Lấy Mẫu Tại Các Hồ Bể Của Hệ Thống Xử Lý Nước Thải.....	26
Bảng 5.4 : Các Thông Số Quan Trắc Tại Mẫu Nước Thải Trước Htxlnt Và Sau Htxlnt.	26

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Sơ Đồ Quy Trình Nuôi Gà Thịt.....	7
Hình 3.1: Sơ Đồ Cấu Tạo Bể Tự Hoại 3 Ngăn.....	15
Hình 3.2: Hệ Thống Xử Lý Nước Thải Công Suất 40 M ³ /Ngày.....	16
Hình 3.3: Quá Trình Phân Hủy Chất Hữu Cơ	17

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Chủ dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NGUYỄN THÁI ANH

- Địa chỉ văn phòng: Tổ 4, ấp Đồng Dầu, xã Minh Đức, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Nguyễn Thái Anh

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

- Điện thoại: 0918.666866 ; Fax: ; E-mail:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số: 3801201419 đăng ký lần đầu ngày 30/05/2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 13/11/2020 của chủ dự án đầu tư.

2. Tên dự án đầu tư: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT, QUY MÔ 300.000 CON/LÚA.

- Địa điểm thực hiện dự án: Ấp Đồng Dầu, xã Minh Đức, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Quyết định số 137/QĐ-UBND cấp ngày 16/01/2020 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi gà thịt, quy mô 300.000 con/lứa tại ấp Đồng Dầu, xã Minh Đức, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Thái Anh làm chủ đầu tư.

- Quy mô của dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi gà thịt, quy mô 300.000 con/lứa.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Dự án: “Trang trại chăn nuôi gà thịt, quy mô 300.000 con/lứa” được xây dựng trên khu đất có diện tích khoảng 149.094 m² tại Ấp Đồng Dầu, xã Minh Đức, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

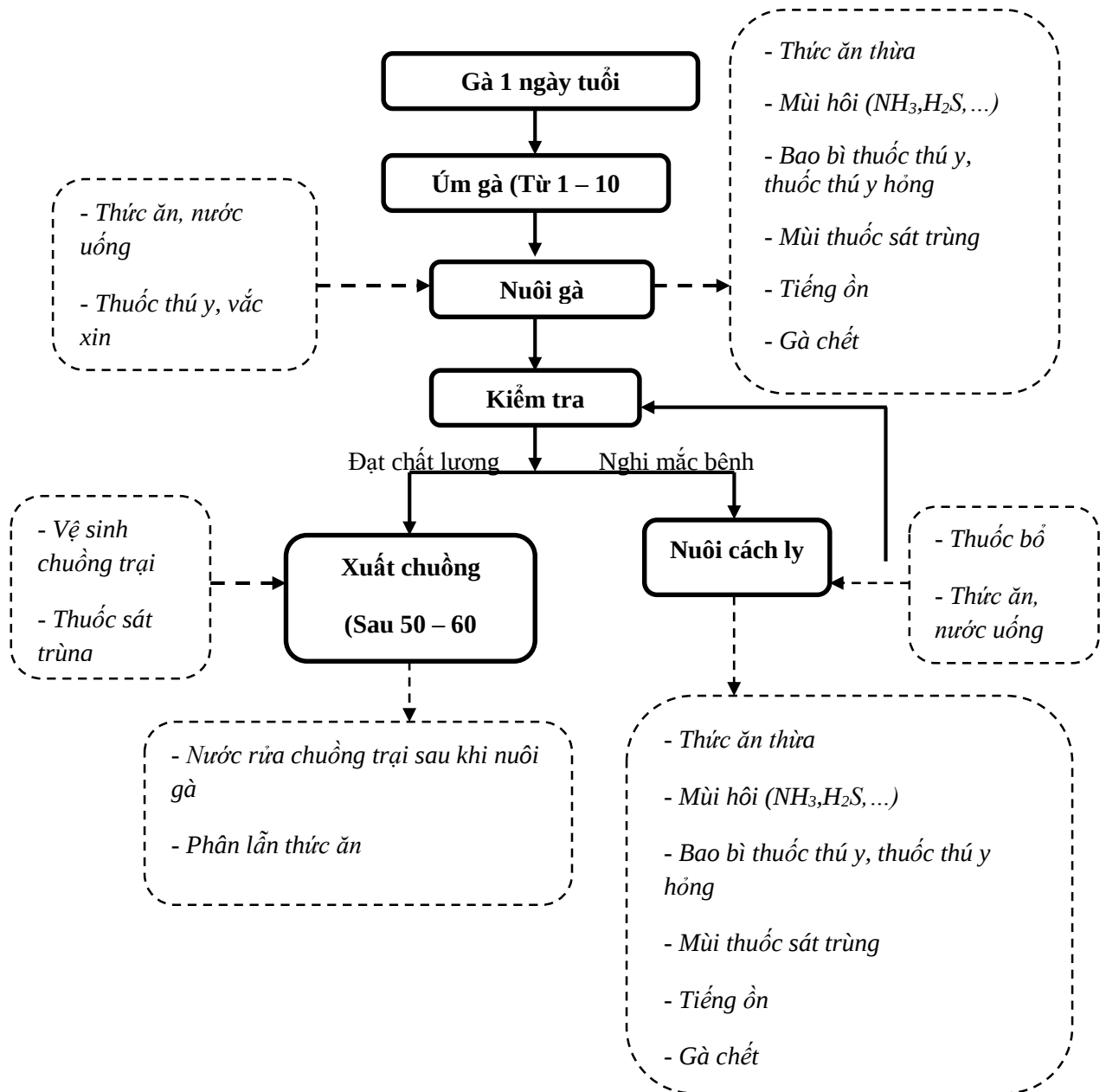
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Công nghệ trại lạnh khép kín và được áp dụng tại dự án, và đây là loại hình chăn nuôi gà tập trung, theo hướng thân thiện với môi trường, tái sử dụng nguồn nước sau xử lý để tưới cây.

Trại nuôi gà được xây dựng theo mô hình khép kín, có tường che kín xung quanh, không khí được thổi vào bên trong theo hệ thống quạt công nghiệp ở mặt trước trại, có phun sương để giữ nhiệt. Hệ thống quạt hút không khí từ bên trong để thổi khí ra bên ngoài, được gắn ở sau trại.

Gà thịt: Con giống sẽ được Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp, đảm bảo chất lượng con giống cao, sạch bệnh.

Quy trình nuôi gà như sau:



Hình 1.1: Sơ đồ quy trình nuôi gà thịt

Mô tả quy trình công nghệ:

Rải trấu: Rải trấu lên toàn bộ nền chuồng dày khoảng 10cm và được phun thuốc sát trùng, sau đó thả gà vào. Cứ sau 2-3 ngày tiến hành cào trên bề mặt đệm lót một lần để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân được phân hủy nhanh hơn. Thời gian dài hay ngắn tùy thuộc vào mặt đệm lót bị nén chặt hay không và lượng phân gà nhiều hay ít. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền chuồng.

Gà giống 1 ngày tuổi (có khối lượng 0,2 – 0,3kg) được nhập từ Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam đảm bảo chất lượng và số lượng. Gà sau khi được nhập về trang trại sẽ được nuôi trong điều kiện khép kín, đảm bảo nhiệt độ, nguồn nước và thức ăn. Trại gà được xây dựng thành 2 dãy chuồng trại, toàn bộ gà giống được nhập trong 5 ngày. Dãy chuồng được trang bị các vách ngăn di động, các vách ngăn được điều chỉnh phù hợp với không gian cần thiết cho đàn gà theo từng giai đoạn.

Gà được chăm sóc nuôi dưỡng với các thiết bị tự động và bán tự động, đảm bảo thức ăn và nước uống cung cấp cho gà không bị rơi vãi gây mùi hôi và hao phí nguyên liệu đầu vào. Trong quá trình nuôi nếu phát hiện các con gà bị nghi mắc bệnh sẽ báo cho thú y từ Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam đến kiểm tra và tiến hành xử lý theo đúng quy định.

Gà nuôi sau 50 – 60 ngày (gà đạt khối lượng khoảng 2,5 – 3kg) sẽ được xuất chuồng toàn bộ trong 5 ngày. Gà xuất chuồng sẽ được đưa xe tải vận chuyển đến xuất bán. Chuồng nuôi sẽ được vệ sinh lau chùi sạch trần, vách, còn nền sẽ được phun rửa, xử lý chất thải.

Sau khi xuất bán sẽ được vệ sinh chuồng trại, sát trùng, tẩy uế, sau đó để trống 21 ngày rồi mới bổ sung chất độn chuồng và nhập đàn mới về nuôi dưỡng.

Một năm trại gà nuôi 4 lứa, mỗi lứa 300.000 con/chu kỳ nuôi

Phân gà sẽ được xử lý bằng enzym và trấu ngay tại chuồng để hạn chế tối đa mùi hôi và ảnh hưởng của các loài vi khuẩn gây bệnh. Gà nuôi đến khi đạt tiêu chuẩn sẽ được kiểm tra trước khi xuất bán. Sau mỗi đợt nuôi, phân gà cùng với trấu sau khi đã xử lý các mầm bệnh, Công ty sẽ liên hệ đơn vị có nhu cầu thu mua ngay tại chuồng.

*** Kỹ thuật chăn nuôi gà chuồng lạnh**

Do nhiệt độ ngày đêm chênh lệch quá cao, đàn gà nuôi sẽ chậm phát triển, gà thịt sẽ chậm lớn,... có khi làm cho đàn gà nuôi công nghiệp giảm sức đề kháng, dẫn đến dịch bệnh cho cả đàn. Gà nuôi theo kiểu chuồng lạnh sẽ giảm thiểu những rủi ro này, cách ly với nguồn dịch, chim, chuột từ bên ngoài. Đặc biệt, trong tình hình dịch bệnh cúm gia cầm hiện nay vẫn chưa bị dập tắt, mô hình nuôi gà theo kiểu chuồng lạnh sẽ hạn chế mức thấp nhất sự lây lan và thiệt hại không đáng cho người chăn nuôi.

Diện tích dãy chuồng rộng 14,2x120,2m. Lưu ý khi thiết kế khoảng trống từ quạt hút đến nơi gà ở phải rộng 10m. Xung quanh chuồng gà chừa hành lang rộng 2m để vận chuyển thức ăn, đi lại chăm sóc đàn gà.

Chuồng xây xong, mỗi chuồng đổ một lớp trấu dày 10 cm trên sàn, pha thuốc để phun sát trùng bên trong và cách xa bên ngoài chuồng 5m, với chuồng cũ cần làm sạch lớp chất độn có phân trên sàn và quét mạng nhện, xong đổ lớp trấu mới rồi phun thuốc sát trùng.

** Kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng gà thịt từ lúc nhập đến lúc xuất bán*

- Thức ăn và cách cho ăn

Thức ăn: Đảm bảo đủ nhu cầu dinh dưỡng

Cách cho ăn: cho ăn bằng máng, thường xuyên bổ sung thức ăn vào máng để gà ăn tự do cả ngày.

- Quản lý đàn gà

Quan sát, theo dõi hằng ngày khi cho ăn. Hàng ngày quan sát đàn gà và có biện pháp xử lý kịp thời nếu thấy gà ăn uống kém hoặc có hiện tượng khác thường.

Cần có sổ sách và ghi chép đầy đủ số liệu và các chi phí đầu vào (giá giống, lượng thức ăn tiêu thụ, thuốc thú y,...) hàng ngày.

- Vệ sinh phòng bệnh

Để đảm bảo đàn gà khỏe mạnh, chuồng nuôi phải thường xuyên được vệ sinh sát trùng. Phòng bệnh cho đàn gà theo lịch.

- Thời gian nuôi

Thời gian nuôi và xuất chuồng: khoảng 50 – 60 ngày

Sau khi gà xuất chuồng cần làm vệ sinh chuồng trại trước khi nuôi đợt mới, thời gian vệ sinh và chuẩn bị cho lứa mới là khoảng 21 ngày.

Chọn giống: Chọn những con khỏe mạnh, lanh lẹ, lông mượt khô và bóng, không khuyết tật như: hở rốn, bụng xanh đen, bụng mềm căng đầy nước, da bụng mỏng, mù mắt vẹo mỏ, chân cong.

Yêu cầu sản phẩm đầu ra: Gà thịt phải đạt từ 2,5 đến 3 kg/con. Gà khỏe mạnh không mắc các loại bệnh dịch, đạt yêu cầu kiểm định của cơ quan chức năng.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Quy mô sản lượng: Với quy mô công suất 300.000 con gà thịt/lứa. Mỗi năm trang trại nuôi khoảng 4 lứa (50 - 60 ngày/đợt nuôi). Khi đi vào hoạt động trung bình mỗi năm trang trại sẽ tạo ra thị trường 1.200.000 con gà thịt.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước

4.1. Nhu cầu nguyên liệu

- Nhu cầu về con giống: Quy mô trang trại gồm 300.000 con/lứa, mỗi lứa khoảng 50 – 60 ngày, Gà con giống được nhập từ Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam và được vận chuyển về trang trại.

- Nhu cầu về thức ăn cho gà: Nguồn cung cấp thức ăn cho dự án là từ Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp toàn bộ đảm bảo chất lượng và phù hợp với nhu cầu của đàn gà. Thức ăn chính cho gà là dạng cám tổng hợp bao gồm: bột ngô, cám gạo,... Thành phần bao gồm nhóm nguyên liệu thô, nhiều xơ: các phụ phẩm nông nghiệp (xác mì, lõi ngô...); Nhóm nguyên liệu giàu năng lượng: tấm, gạo, ngô, sắn, cám, khoai mì, các loại củ giàu tinh bột; Nhóm nguyên liệu giàu protein: đậu lạc, khô dầu, đầu cá; Nhóm nguyên liệu bổ sung: các chất muối khoáng, canxi, photpho...; Nhóm phụ gia: chất bảo quản, tạo mùi... (dầu cá).

Thức ăn từ các xe vận chuyển nguyên liệu sẽ được đưa vào nhà kho chứa, sau đó vận chuyển đến các máng chứa thức ăn của nhà nuôi gà.

Thức ăn được lưu chứa trong kho của trại, đảm bảo cho gà dùng trong 15 ngày, khi hết sẽ nhập thức ăn bao, 15 ngày nhập 1 lần hạn chế bụi phát tán trong quá trình nhập thức ăn.

Theo số liệu do chủ đầu tư cung cấp tại các dự án tương tự thì ước tính lượng cám trung bình cung cấp cho gà thịt là 37 g/con gà thịt $\approx 0,037\text{kg/con}$. Bình quân mỗi ngày lượng cám cần cung cấp cho tổng đàn gà là 11.100kg, trại mỗi lần nhập cám dùng trong 15 ngày khoảng 166,5 tấn/lần nhập. Vậy 1 lứa nuôi nhập 04 lần cám, tổng cộng khoảng 666 tấn/lứa nuôi.

- Nhu cầu về trấu: Sau khi xuất gà thịt, việc vệ sinh chuồng trại sẽ làm phát sinh khối lượng lớn phân gà trộn với vỏ trấu. Để chuẩn bị cho lần nhập gà giống và kỳ chăn nuôi tiếp theo, cần cung cấp lại lớp trấu cho dãy chuồng trại.

Lượng trấu dự tính rải sàn (theo các dự án tương tự) dày là khoảng 5 – 7cm. Như vậy, 1 m² sàn cần dùng khoảng 0,5 – 0,7 kg trấu (tính toán khoảng 0,6kg). Như vậy, lượng trấu sử dụng là 14.337,48 kg $\approx 14,34$ tấn vỏ trấu/lứa

- Nhu cầu về hóa chất, vắc xin, thuốc thú y:

Chương trình vaccine cho gà trong nội bộ trại: Thực hiện chăn nuôi an toàn áp dụng theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bảng 1.1: Danh mục nhu cầu hóa chất, vắc xin, thuốc thú y

STT	Tên gọi	Tác dụng	Đơn vị tính	Số lượng/năm
	Streptomycin	Thuốc kháng sinh	Lọ 1000mg	16.200
	Getamycin 4%		Túi 4000mg	1500
	Enrotis L.A		Lọ 1000mg	16.200
	Ampicilin		Lọ 500mg	16.200
	Nova-mycoplasma		Gói 1 kg	600
	Penicilin		Lọ 1 mũi	16.200
	Vaccine	Cún gia cầm	Liều	1500
	Vác sin	Phòng bệnh Newcastle, chủng VG/GA trên gà	Liều	16.200
	Vắc xin	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà, chủng H120	Liều	16.200
	Thuốc thú y - vitamin	-	Liều	21.000
	Hóa chất	Khử mùi thức ăn	Kg	360
	Chế phẩm EM	Khử mùi phân	Kg	1080
	Thuốc sát trùng Asicide	Sát trùng xe, công nhân ra vào Trại	Kg	780
	Vôi	Sử dụng tại hầm hủy	Kg	1500

Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Thái Anh, 2019

4.2. Nhu cầu sử dụng nước

Tổng lượng nước cung cấp cho hoạt động chăn nuôi của Trang trại là 105,4 m³/ngày.

Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng nước cho quá trình chăn nuôi giai đoạn ổn định.

TT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng (m ³ /ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt	3,0
2	Nước uống cho gà	60
3	Nước cấp cho hệ thống làm mát	42
4	Nước cấp hoạt động khử trùng, vệ sinh xe ra vào trại	0,4
Tổng cộng		105,4

Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Thái Anh, 2019

4.3. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cung cấp điện cho dự án là nguồn cấp điện từ mạng lưới điện quốc gia.

4.4. Nhu cầu lao động:

Công nhân trong giai đoạn xây dựng dự án: 50 người.

Cán bộ công nhân viên của trang trại trong giai đoạn hoạt động của dự án: 30 người.

Chủ dự án dự kiến sẽ tuyển dụng lao động khi dự án đi vào hoạt động theo bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu lao động của công ty

TT	Loại lao động	Số lượng
1	Quản đốc trại chăn nuôi	01
2	Phó quản đốc trại	01
3	Nhân viên quản lý	02
4	Bác sĩ thú y	02
5	Công nhân kỹ thuật	5

6	Công nhân chăm sóc và vệ sinh chuồng trại	18
7	Công nhân kỹ thuật phụ trách về môi trường	1
Tổng cộng		30

(Nguồn: Công ty TNHH đầu tư Nguyễn Thái Anh, 2019)

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có) :

Nguồn vốn đầu tư của dự án: 95.000 000 000 VNĐ

– Vốn tự có: 30.000 000 000

– Vốn vay: 65.000 000 000

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẲNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Không thay đổi

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Không thay đổi

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- **Nước mưa chảy tràn:** Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được xây dựng xung quanh chuồng trại và tách riêng với hệ thống thu gom nước thải. Nước mưa được thu gom bằng hệ thống mương bê tông có kích thước rộng x sâu = 0,5m x 0,5m, sau đó chảy về Hồ đất có kích thước là 15m x 50m x 3m = 2.250m³.

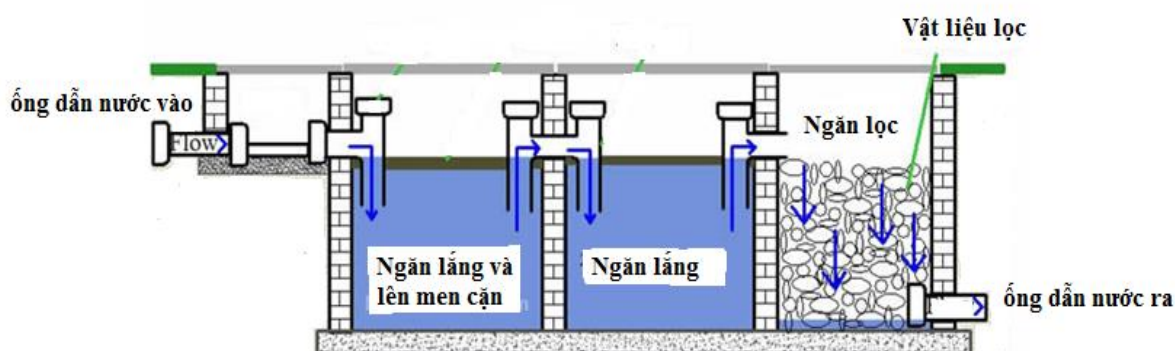
1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải chăn nuôi được thu gom bằng hệ thống đường ống cống ngầm dọc theo các dãy trại, dọc theo đường ống có bố trí các hố gas bằng bê tông đường kính 60cm và dẫn về Hàm kỵ khí của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải sau xử lý đạt 62-MT:2016/BTNMT, cột B và QCVN 01-14:2010/BNNT, nước thải sau xử lý dùng để tưới tiêu, rửa chuồng, làm mát.

❖ Nước thải sinh hoạt

Chủ dự án xây dựng 04 bể tự hoại kích thước mỗi bể là 2m x 1m với chiều sâu 1,5m, tổng thể tích xây dựng là 12 m³. Nước thải sau xử lý được đầu nối dẫn vào hàm kỵ khí bằng đường ống nhựa.

Cấu tạo gồm 03 ngăn: ngăn phân hủy, ngăn lắng và ngăn lọc



Hình 3.1: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

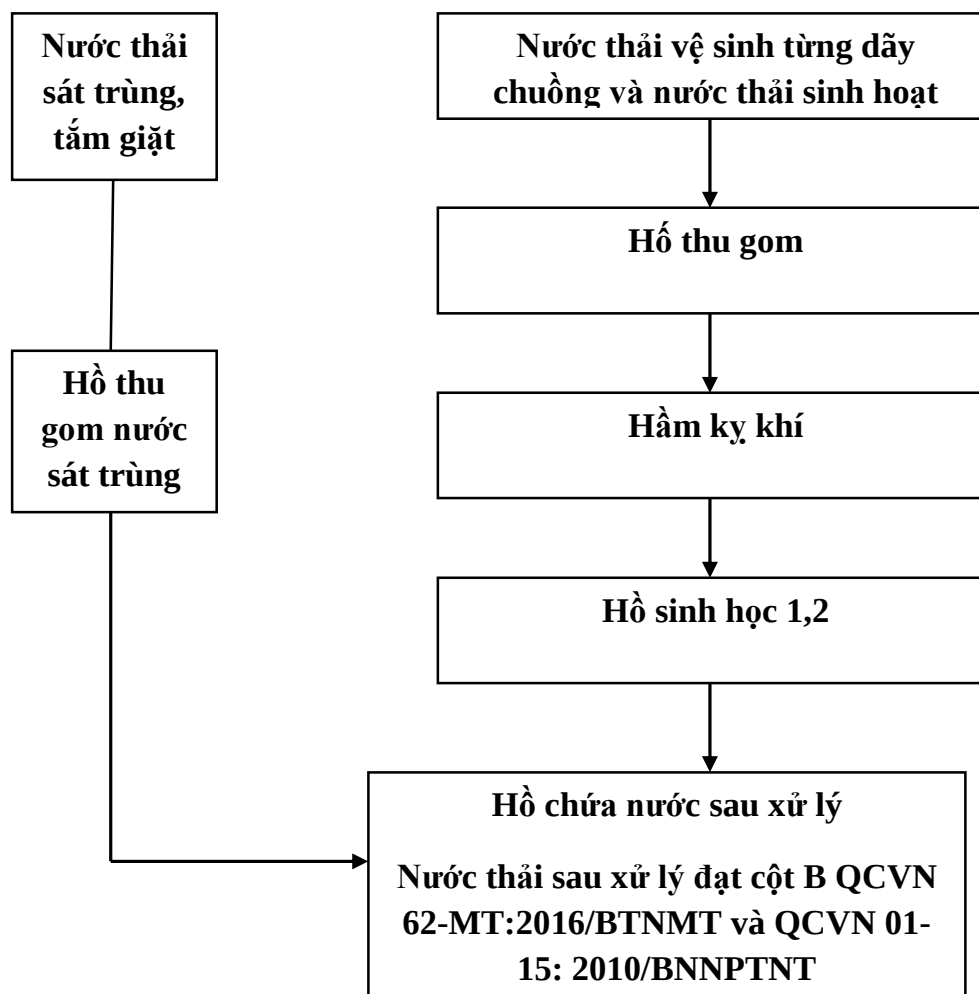
Nguyên lý làm việc của bể tự hoại: Nước thải được thải ra và dẫn đến bể phốt. Tại bể phốt, nước thải cặn bã sẽ được xử lý sinh học yếm khí, cặn có trong nước thải được lên men sẽ lắng xuống đáy bể và nước chảy ra sang hố ga. Tại đây, hố ga sẽ ngưng đọng lại những chất vẫn còn theo nước ra tích tụ lại thành bùn và nước thải sẽ được dẫn vào hệ thống xử lý chung của công ty. Đường ống được bố trí theo nguyên lý chảy tràn

chênh lệch mực nước từ trên xuống dưới. Khi cạn bã tại bể phốt đầy, bể phốt được hút để tránh cạn bã dồn ứ gây ra tắc cống nước.

Xây dựng các hầm tự hoại với thể tích của từng hầm là 3 m^3 (trong đó, chiều sâu của các hầm tự hoại là 1,5m, diện tích của từng hầm tự hoại: 2 m^2). Trang trại tiến hành xây dựng 04 hầm tự hoại, với tổng thể tích của các hầm là $3 \text{ m}^3 \times 4 = 12 \text{ m}^3$.

❖ Nước thải chăn nuôi

- Công ty xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất $40 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý nước thải phát sinh từ dự án theo quy trình sau:



Hình 3.2: Hệ thống xử lý nước thải công suất $40 \text{ m}^3/\text{ngày}$

Thuyết minh quy trình:

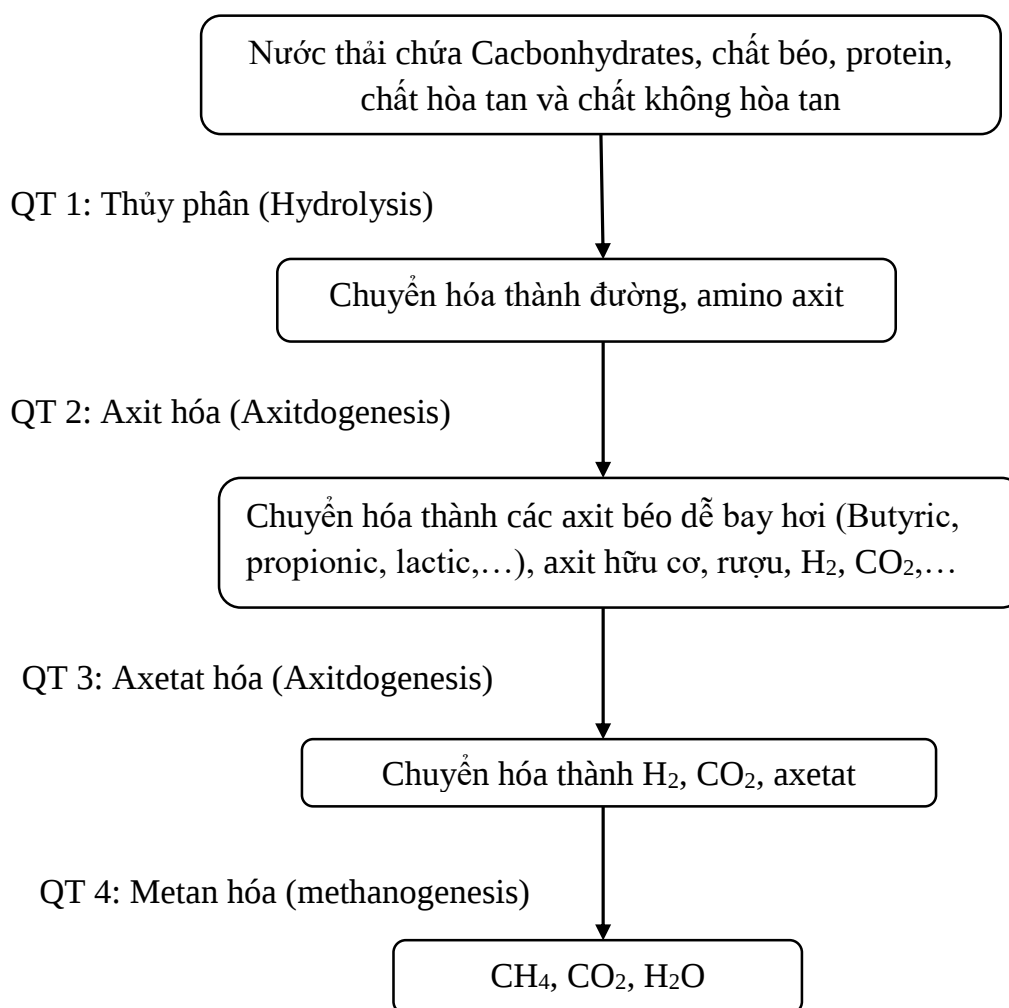
Chủ dự án đầu tư xây dựng bể kỵ khí vừa có tác dụng chứa nước để ổn định cho các công trình xử lý phía sau, vừa có tác dụng phân hủy một lượng ít phân gà còn sót lại trong quá trình thu gom và còn có lông gà rơi vãi trong chuồng nuôi. Nước thải vệ sinh chuồng và nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại được dẫn về hầm kỵ khí với diện tích 169 m^2 .

Quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong điều kiện kỵ khí là do sự hoạt động của các vi sinh vật trong môi trường mà không cần sự có mặt của oxi không khí và sản phẩm cuối cùng tạo ra gồm CH_4 , CO_2 , N_2 , H_2 ,... và trong đó khí CH_4 (metan) chiếm tới 65%. Quá trình này còn có thể gọi là quá trình lên men metan. Quá trình phân hủy kỵ khí có thể mô tả bằng sơ đồ tổng quát:



Quá trình xử lý kỵ khí trong điều kiện nhân tạo có thể được áp dụng để xử lý các loại cặn bã chất thải công nghiệp có hàm lượng chất hữu cơ cao BOD 10 – 30(g/l).

Quá trình phân hủy kỵ khí chất hữu cơ là quá trình diễn ra hàng loạt các phản ứng sinh hóa phức tạp và có thể hợp thành 4 giai đoạn, xảy ra đồng thời trong quá trình phân hủy các chất thải hữu cơ như sau:



Hình 3.3: Quá trình phân hủy chất hữu cơ

Trong 3 giai đoạn đầu thì lượng COD hầu như không giảm, COD chủ yếu chỉ giảm trong giai đoạn metan hóa.

Trong xử lý kỵ khí cần lưu ý đến 2 yếu tố quan trọng. Duy trì sinh khối vi khuẩn càng nhiều càng tốt; Tạo tiếp xúc đủ giữa nước thải với sinh khối vi sinh vật.

Thời gian lưu nước tại bể kỵ khí là 30 ngày.

Nước thải khi qua bể kỵ khí được dẫn về hồ sinh học, tiếp tục xử lý các chất bẩn còn lại, hồ được thả tảo và lục bình. Nước sát trùng cũng được dẫn về hồ sinh học để xử lý (Loại nước thải này sau khi chảy về hồ sinh học 1). Để hồ sinh học hoạt động tốt nhất chia hồ sinh học thành 2 hồ nhỏ, hồ sinh học 1 với diện tích 169 m² tận dụng để làm thoáng tăng cường oxi giúp vi sinh vật phát triển tốt tạo điều kiện xử lý cho hồ sinh học 2 với diện tích 169 m². Nước sau khi qua hồ sinh học 2 được bố trí ống châm hóa chất khử trùng trước được chứa vào hồ chứa dùng cho việc tưới cây.

Nước thải đầu ra hệ thống xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT và dùng tưới cây trong khu vực dự án.

Bảng 3.1: Thông kê công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng

STT	Hạng mục thiết kế	Kích thước DxRxH (m)	Thể tích V(m ³)	Số lượng	Cấu tạo
1	Hầm kỵ khí	13x13x3	507	1	Hồ đất, lót bạt HDPE
2	Hồ sinh học 1	13x13x3	507	1	Hồ đất, lót bạt HDPE
3	Hồ sinh học 2	13x13x3	507	1	Hồ đất, lót bạt HDPE
4	Hồ chứa nước sau xử lý	39x13x3	1521	1	Hồ đất, lót bạt HDPE

Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Thái Anh, 2019

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Không có

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

➤ Chất thải rắn không nguy hại

Đối với chất thải rắn không nguy hại có khả năng tái sử dụng như lọ, thùng carton, bao bì,... Các chất thải từ các hoạt động của dự án sẽ được thu gom và bán cho đơn vị thu mua để tái chế.

➤ **Chất thải rắn sinh hoạt**

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, trại tiến hành thu gom vào các thùng chứa thích hợp và để ở nhà rác thải sinh hoạt diện tích 12 m², hợp đồng với đơn vị thu gom và đem đi xử lý.

Nhóm các thành phần tái chế như nhựa, bao ni lông, giấy vụn phòng...bán cho đơn vị mua phế liệu.

Chủ đầu tư đã bố trí 06 thùng rác 120L đặt dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực để thu gom rác thải.

➤ **Chất thải chăn nuôi**

- **Phân gà và trấu trải sàn:** Công ty đã xây dựng 01 nhà để phân với diện tích 32 m². Phân gà và trấu sau mỗi đợt chăn nuôi sẽ được lưu chứa trong nhà để phân, sau đó sử dụng bón cho cây trồng trong khuôn viên Trang trại hoặc chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu thu mua làm phân bón.

- **Gà chết không do dịch bệnh:** được xử lý bằng Hầm hủy xác. Công ty đã xây dựng 14 hầm hủy xác có kết cấu bê tông chống thấm, cửa đóng kín, kích thước mỗi hố: đường kính Φ 1,2m, sâu 4m. Trên bề mặt và xung quanh hầm hủy có rải vôi bột.

Quy trình xử lý như sau:

+ Bước 1: Sau khi hoàn tất công tác bố trí và xây dựng hố hủy xác, tiến hành rải vôi làm lớp lót đáy của hố hủy xác.

+ Bước 2: Cho xác động vật và sản phẩm động vật cần tiêu hủy xuống hố.

+ Bước 3: Rải một lớp vôi bột lên lớp xác vừa được đưa vào hố. Tùy theo số lượng xác để rải vôi bột trung bình 1kg/1m².

+ Bước 4: Đóng nắp sau khi thực hiện các bước trên.

Quá trình phân hủy trong hố diễn ra như sau:

Xác gà chết gồm chất đạm, xơ, bột đường, chất béo, chất khoáng và một số loại vi sinh vật. Sau khi bị chết, xác gà sẽ được phân hủy tương tự quá trình vô cơ hóa chất hữu cơ trong tự nhiên. Tốc độ và thời gian phân hủy tùy thuộc vào các yếu tố môi trường như nhiệt độ, độ ẩm, lượng oxy trong đất, pH.

Quá trình phân hủy gồm 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn thối rữa: Tùy nhiệt độ môi trường mà sự thối rữa bắt đầu xảy ra sau khi con vật chết từ 2 đến 8 giờ. Vi sinh vật yếm khí trong ống tiêu hóa tăng số lượng để phân hủy chất hữu cơ trong ruột già, dạ dày, ruột non. Sau đó, niêm mạc, cơ của ống tiêu hóa bị chương phòng do áp lực của các chất khí tạo ra trong quá trình phân hủy làm ống tiêu hóa bị vỡ, vi sinh vật từ đây sẽ phát triển nhanh chóng ra khắp xoang bụng, xoang ngực và sau đó tăn công vào cơ, tủy xương. Sản phẩm của giai đoạn này bao gồm

các diamin, amin, mảnh peptit, chất khoáng, các chất tạo mùi như sunfuahydro, amonia, mercaptan, sunfit hữu cơ và các vi sinh vật gây bệnh.

+ Giai đoạn 2 là giai đoạn khoáng hóa: giai đoạn này xảy ra ngay sau giai đoạn thối rữa. Hệ thống vi sinh vật tham gia vào quá trình biến các chất hữu cơ thành vô cơ mà cây trồng có thể hấp thu được. Sản phẩm có chứa nitơ được biến đổi thành amonia, nitrite và nitrate. Các chất photpho hữu cơ trong tế bào động vật thành các dạng muối sodiumphosphate hoặc potasium phosphate. Các a.amin có chứa lưu huỳnh như Methionin, Systeine sẽ trở thành các muối vô cơ sodiumsulphate, potasium sulphate. Quá trình khoáng hóa xảy ra nhanh hay chậm tùy thuộc vào nhiệt độ, độ ẩm, pH.

➤ **Bao bì cám thức ăn cho gà**

Lượng bao bì đựng thức ăn cho gà sau khi được sử dụng sẽ được thu gom, tập hợp tại khu vực riêng và định kỳ được đơn vị cung cấp (Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam) thu gom.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại

Công ty đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại để lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại theo Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 12 m², kết cấu: nền xi măng, tường bao xung quanh, mái lợp tôn, có biển cảnh báo, bố trí thiết bị phân loại, dán mã số quản lý chất thải nguy hại.

Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 70.000431.T cấp ngày 21/12/2021 và công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý hợp đồng số 000859/2021/CGQ ngày 06/12/2021 để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Không có

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

➤ **Phòng chống sự cố cháy, nổ**

Nếu có cháy, nổ xảy ra trong quá trình hoạt động của Dự án thì tác hại đối với tài sản và tính mạng của công nhân khá lớn. Vì vậy, các khu nhà phải đảm bảo khâu thiết kế phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy. Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn.

- Kiểm tra các thiết bị, đảm bảo luôn trong tình trạng an toàn về điện.
- Lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng quy định của nhà nước Việt Nam. Tập huấn định kỳ về PCCC cho nhân viên của Dự án.
- Các trang thiết bị ứng phó khi có sự cố cháy trại: họng cứu hỏa, bình CO₂ MT3, máy bơm,.. Các thiết bị như bình CO₂ được bố trí phù hợp và thuận tiện nhất có thể lấy

và sử dụng khi có sự cố cháy nổ xảy ra: đặt tại lối ra vào của Trại, tại hệ thống xử lý nước thải, kho chứa hóa chất, nơi có rơm rạ,...Nơi để rơm rạ phải để nơi cách xa những vật dễ cháy, nổ.

➤ **Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động**

Để đảm bảo an toàn lao động, Chủ Dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Tổ chức các buổi tập huấn an toàn lao động định kỳ cho toàn Công ty.
- Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ an toàn lao động của công nhân.
- Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải tập trung và hầm biogas.

➤ **Biện pháp khắc phục sự cố bể tự hoại**

- Định kỳ 1 năm/lần bơm hút bể tự hoại.
- Nếu xảy ra sự cố, Chủ Dự án sẽ kịp thời sửa chữa, khắc phục để tránh gây tác động tới môi trường.

➤ **Biện pháp khắc phục sự cố đối với HTXL nước thải**

- Có nhân viên vận hành đúng chuyên môn. Thường xuyên kiểm tra hệ thống để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải đa số đều có mua thiết bị dự phòng. Tuy nhiên nếu xảy ra sự cố, Công ty sẽ báo ngay với đơn vị có chức năng để sửa chữa kịp thời và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường.
- Trong trường hợp hồ chứa nước sau xử lý bị không đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, lượng nước này sẽ được đưa vào lại hầm biogas và xử lý lại, do thể tích của hầm biogas lớn, có khả năng lưu chứa hơn 30 ngày, do đó khi có sự cố, trại sẽ đưa nước trở lại hầm biogas và nhanh chóng khắc phục sự cố.
- Sử dụng bạt chống thấm tốt cho các hồ.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát để phát hiện kịp thời sự cố không chống thấm của các hồ, để có biện pháp cải tạo kịp thời.

➤ **Biện pháp khắc phục sự cố nhiên liệu**

- Nhiên liệu DO dạng lỏng chứa trong can nhựa chuyên dụng;
- Không xếp sát trần kho và cao không quá 2 mét; Đảm bảo lối đi chính trong kho rộng tối thiểu 1,5 mét;
- Công nhân thao tác được phổ cách sử dụng, cách ứng phó với sự cố tràn đổ, rò rỉ nhiên liệu. Khi sử dụng cố gắng thao tác chính xác, tránh tràn đổ.

➤ **Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất**

- Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002, tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.
- Hóa chất tồn trữ trong kho được chứa đựng trong các bao bì theo quy định của nhà sản xuất, đảm bảo kín, chắc chắn;
- Hóa chất được đặt trong kho theo nhóm, mỗi nhóm sẽ để một vị trí khác nhau để đảm bảo an toàn hóa chất và có biểu tượng cảnh báo đặc trưng của nhóm;

- Bên ngoài kho có biển cảnh báo “CẤM LỬA”, “CẤM HÚT THUỐC”;
- Hóa chất dạng lỏng chứa trong can nhựa chuyên dụng;
- Các lô hàng không xếp sát trần kho và cao không quá 2 mét; Đảm bảo lối đi chính trong kho rộng tối thiểu 1,5 mét;
- Công nhân thao tác được phổ biến kiến thức về từng loại hóa chất, cách sử dụng cũng như tính chất nguy hiểm, cách ứng phó với sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất hay hóa chất dính vào cơ thể.
- Hóa chất có dán nhãn tên hóa chất và hướng dẫn sử dụng.
- Ngoài ra Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục, báo cáo cơ quan chức năng nếu gây hậu quả nghiêm trọng.
- Không dùng lại các loại bao bì hóa chất đã sử dụng. Những bao bì sau khi dùng hết sẽ được bảo quản riêng và gửi lại cho nhà sản xuất. Còn những bao bì bị rách hoặc hư hỏng sẽ được bảo quản riêng trong kho chất thải nguy hại và chuyển cho các công ty chuyên xử lý chất thải.
- Kho chứa hoá chất và các loại thuốc dùng cho hoạt động chăn nuôi sẽ được xây dựng theo đúng hướng dẫn của Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi: Không có.

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có.

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Các công trình bảo vệ môi trường của dự án thực tế không thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi gà thịt, quy mô 300.000 con/lứa tại ấp Đồng Dầu, xã Minh Đức, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Thái Anh làm chủ đầu tư.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải của dự án gồm 02 nguồn thải chính:
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt
 - + Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi
- Lưu lượng nước thải tối đa: Tổng lưu lượng phát sinh nước thải của dự án là 31,4 m³/ngày đêm cụ thể như sau:
 - + Nguồn số 1: Lưu lượng nước thải tối đa khoảng 3 m³/ngày đêm
 - + Nguồn số 2: Lưu lượng nước thải tối đa là 28,4 m³/ngày đêm
- Dòng nước thải: Dự án có 02 nguồn nước thải gồm nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt được xử lý tập trung qua hệ thống xử lý nước thải và đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, QCVN 01-15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học, giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải như sau:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Giá trị C - Cột B	QCVN 01-15:2010/BNNPTNT
1	pH ^(a,b)	-	5,5 - 9	-
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	100	-
3	COD ^(b)	mg/L	300	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	150	-
5	Tổng Nito	mg/L ml	150	-
6	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL hoặc CDU/100 ml	5000	5000
7	Coli phân	MPN/100mL	-	500
8	Salmonella	MPN/50mL	-	KPH

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý được tái sử dụng vào mục đích tưới tiêu, rửa chuồng, rửa đường và làm mát cho trang trại.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Không có

4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:

Không có

5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:

Không có

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện

1.1. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải

Thông tin đơn vị thực hiện việc quan trắc môi trường:

– Đơn vị thực hiện việc quan trắc môi trường: Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Hải Âu và Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú.

✚ Phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích :

Phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu nước thải:

Bảng 5.1 : Phương pháp lấy mẫu

TT	Loại mẫu	TCVN lấy mẫu
1	Nước thải	TCVN 5999:1995 TCVN 6663-3:2016 TCVN 6663-1:2011

Phương pháp phân tích mẫu, áp dụng đối với phương pháp phân mẫu nước thải bảng sau:

Bảng 5.2 : Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	pH	-	TCVN 6492 : 2011
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	TCVN 6001 -1: 2008
3	COD	mg/L	SMEWW 5520.C : 2012
4	TSS	mg/L	TCVN 6625 : 2000
5	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6638 : 2000
6	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187 – 2:1996
7	Salmonella	MPN/100mL	ISO 19250:2010

✚ Thời gian tiến hành thử nghiệm và lấy mẫu phân tích

Đối với mẫu nước thải từng công đoạn, 01 mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn lấy ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa – chiều, chiều – tối) được trộn đều với nhau.

Thông số quan trắc của từng công đoạn xử lý là thông số ô nhiễm chính được sử dụng để tính toán thiết kế cho từng công đoạn xử lý:

Bảng 5.3 : Vị trí lấy mẫu tại các hồ bể của hệ thống xử lý nước thải.

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tổng số mẫu (tổ hợp)	Ngày lấy	Quy chuẩn
1	NT01 : Đầu vào Hồ thu gom	BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nito	05 mẫu	07/01/2022 23/01/2022 08/02/2022 23/02/2022 10/03/2022	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, QCVN 01-15:2010 /BNNPTNT
2	NT02 : Đầu ra Hồ thu gom		05 mẫu		
3	NT03 : Sau Hàm kỵ khí		05 mẫu		
4	NT04 : Sau Hồ sinh học 2	BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nito, Coliform, Samonella	05 mẫu		

Đối với mẫu nước thải đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải, đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải.

Bảng 5.4 : Các thông số quan trắc tại mẫu nước thải trước HTXLNT và sau HTXLNT.

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tổng số mẫu (tổ hợp)	Ngày lấy	Quy chuẩn
1	NT01 : Mẫu nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nito, T.Coliform, Salmonella	01 mẫu	11/03/2022	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, QCVN 01-15:2010 /BNNPTNT
2	NT02 : Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải		07 mẫu	11/03/2022	
				12/03/2022 14/03/2022	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi gà thịt, quy mô 300.000 con/lứa”

				15/03/2022	
				16/03/2022	
				17/03/2022	
				18/03/2022	

- Kết quả đánh giá hiệu suất của từng công đoạn của hệ thống xử lý nước thải được lấy mẫu lần 1 ngày 07/01/2022, lần 2 ngày 23/01/2022, lần 3 ngày 08/02/2022, lần 4 ngày 23/02/2022, lần 5 ngày 10/03/2022 và được trình bày theo bảng sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm chính tại Hồ thu gom							
		BOD ₅		COD		TSS		Tổng Nito	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	31	358	94	725	193	586	118	104,4	65,00
Hiệu suất lần 1		73,74		73,38		79,86		37,74	
Lần 2	35	429	72	888	141	685	123	109,5	70,60
Hiệu suất lần 2		83,22		84,12		82,04		35,53	
Lần 3	34	340	96	715	189	583	124	108,1	67,30
Hiệu suất lần 3		71,76		73,57		78,73		37,74	
Lần 4	32	207	122	330	197	176	119	119,0	64,30
Hiệu suất lần 4		41,06		40,30		32,39		45,97	
Lần 5	30	203		116		352		185	
hiệu suất lần 5		42,86	47,44	13,60	42,72	42,86	47,44	13,60	42,72

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm chính tại Hàm kỵ khí							
		BOD5		COD		TSS		Tổng Nito	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	31	94	61	193	138	118	69	104,4	38,50
Hiệu suất lần 1		35,11		28,50		41,53		63,12	
Lần 2	35	72	63	141	135	123	70	70,6	41,40
Hiệu suất lần 2		12,50		4,26		43,09		41,36	
Lần 3	34	96	61	189	107	124	72	67,3	40,00
Hiệu suất lần 3		36,46		43,39		41,94		40,56	
Lần 4	32	122	67	197	107	119	69	64,3	38,40
Hiệu suất lần 4		45,08		45,69		42,02		40,28	
Lần 5	30	116	82	185	134	108	73,5	59,0	35,00
Hiệu suất lần 5		29,31		27,57		31,94		40,68	

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm chính tại Hồ sinh học 2											
		BOD ₅		COD		TSS		Tổng Nito		T. Coliform		Salmonella	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Trước xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	31	61	37	138	72	69	41	38,5	24,00	10.500	2.300	KPH	KPH
Hiệu suất lần 1		39,34		47,83		40,58		37,66		78,10		100,00	
Lần 2	35	63	41	107	80	70	43	41,4	26,00	10.400	2.100	KPH	KPH
Hiệu suất lần 2		34,92		25,23		38,57		37,20		79,81		100,00	
Lần 3	34	61	36	107	61	72	42	40,0	25,00	10.600	2.300	KPH	KPH
Hiệu suất lần 2		40,98		42,99		41,67		37,50		78,30		100,00	
Lần 4	32	67	43	107	61	69	41	38,4	24,00	11.000	3.300	KPH	KPH
Hiệu suất lần 4		35,82		42,99		40,58		37,50		70,00		100,00	
Lần 5	30	82	47	134	65	73,5	38,0	35,0	22,70	10.200	1.400	KPH	KPH
Hiệu suất lần 5		42,68		51,49		48,30		35,14		86,27		100,00	

- Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải được lấy mẫu lần 1 ngày 11/03/2022, lần 2 ngày 12/03/2022, lần 3 ngày 14/03/2022, lần 4 ngày 15/03/2022, lần 5 ngày 16/03/2022, lần 6 ngày 17/03/2022, lần 7 ngày 18/03/2022 được trình bày theo bảng sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số môi trường của dự án													
		pH		BOD ₅		COD		TSS		Tổng Nito		T. Coliform		Salmonella	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	30	7,23	7,21	761	61	1.163	110	449	47	143	39	170.000	3.900	KPH	KPH
Lần 2	32	-	7,26	-	59	-	119	-	55	-	37,2	-	3.500	KPH	KPH
Lần 3	31	-	7,18	-	58	-	103	-	50,5	-	36	-	3.500	KPH	KPH
Lần 4	33	-	7,1	-	57	-	116	-	53	-	35,1	-	3.400	KPH	KPH
Lần 5	30	-	7,28	-	52	-	98	-	51	-	33	-	3.200	KPH	KPH
Lần 6	31	-	7,24	-	54	-	102	-	50	-	32,6	-	3.300	KPH	KPH
Lần 7	33	-	7,2	-	50	-	96	-	47,5	-	30,3	-	3.400	KPH	KPH
QCVN 62-MT:2016/ BTNMT, CỘT B	-	5,5 - 9		100		300		150		150		5.000		-	
QCVN 01-15:2010 /BNNPTNT	-	-		-		-		-		-		5.000		KPH	

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

a. Giám sát môi trường không khí

+ Vị trí giám sát: 01 điểm trong khu vực chuồng trại; 01 điểm trong khu vực hầm hủy xác.

+ Chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, NH₃, H₂S, Cl, F.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép ánh sáng tại nơi làm việc, QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu-giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

b. Giám sát môi trường nước thải

+ Vị trí giám sát: 01 điểm lấy mẫu tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải

+ Chỉ tiêu giám sát: lưu lượng, pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nito, Tổng Coliform, Sanmonella.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

c. Giám sát môi trường nước ngầm

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu tại giếng khoan của Dự án.

+ Chỉ tiêu giám sát: pH, Độ trong, Độ cứng, TSS, Fe, Nitrat, Nitrit, Cl⁻, Amoni, tổng Coliform.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT– Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ngầm.

d. Giám sát chất thải rắn

– Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng thải rắn phát sinh; giám sát lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nơi lưu giữ tạm thời.

– Tần suất giám sát: 1 năm/lần.

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ ÁN ĐẦU TƯ

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty cam kết sẽ xử lý chất thải theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

– Cam kết sẽ xử lý nước thải đầu ra đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

– Cam kết chất lượng không khí đạt QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép ánh sáng tại nơi làm việc, QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu-giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

– Cam kết các chỉ tiêu trong nước ngầm tại giếng khoan trong trang trại đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

– Cam kết thực hiện kiểm soát môi trường đất theo QCVN 03-MT/2015/BTNMT, nước mặt theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1.

– Đối với chất thải rắn không nguy hại và rác thải sinh hoạt, Công ty sẽ ký hợp đồng thu gom và xử lý với các đơn vị có chức năng để thu gom xử lý.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: GIẤY TỜ PHÁP LÝ

PHỤ LỤC 2: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH